

Bản án số: 08/2021/DS-ST
Ngày: 02-02-2021
V/v tranh chấp Hợp đồng vay
tài sản.

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN CHÂU, TỈNH TÂY NINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Thu.

Các Hội thẩm nhân dân:

1- Bà Thị A Mi Na;

2- Bà Nguyễn Thị Bích Hiệp.

- Thư ký phiên tòa: Ông Ngô Quốc Việt là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Ông Hoàng Trung Thành - Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 02 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 204/2020/TLST-DS, ngày 20 tháng 7 năm 2020 về “Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 107/2020/QĐXXST-DS ngày 31 tháng 12 năm 2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Trần Văn Q, sinh năm 1944; nơi cư trú: Tổ 6, ấp A, xã B, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh. Có mặt.

Bị đơn: Anh Lê Văn D, sinh năm 1981 và chị Dương Thị Kim C, sinh năm 1985; cùng nơi cư trú: Tổ 6, ấp A, xã B, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh. Anh D có đơn yêu cầu vắng mặt, chị C vắng mặt không có lý do.

Người làm chứng:

1/ Ông Phạm Văn N, sinh năm 1955; nơi cư trú: Tổ 6, ấp 1, xã B, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh. Vắng mặt không có lý do;

2/ Ông Phan Văn N1, sinh năm 1979; nơi cư trú: Tổ 6, ấp A, xã B, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh. Vắng mặt không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 09-7-2020 cùng các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn ông Trần Văn Q trình bày:

Ngày 27-12-2018 âm lịch tức ngày 01-02-2019 dương lịch, ông Q cho chị C vay 03 chỉ vàng 24K và 3.000.000 đồng. Khi vay ông Q giao tiền, vàng cho chị C tại nhà

ông Q, không viết giấy, có ông Phạm Văn N và ông Phan Văn N1 làm chứng, không thỏa thuận trả tiền lãi, chị C nói vay để mẹ chị C đi điều trị bệnh, hẹn vài ngày sau trả. Ông Q đòi nợ nhiều lần nhưng chị C anh D chưa trả. Sau đó chị C bỏ nhà đi. Ông Q yêu cầu chị C, anh D trả 3.000.000 đồng và 03 chỉ vàng 24K 9999, không yêu cầu trả tiền lãi.

Theo các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn anh Lê Văn D trình bày:

Anh D và chị C tồn tại hôn nhân hợp pháp. Ngày 09-01-2019 âm lịch chị C bỏ nhà đi, đi đâu anh D không biết. Anh D không vay tiền, vàng của ông Q và cũng không nói chị C vay tiền, vàng của ông Q. Chị C có vay tiền, vàng của ông Q hay không anh D không biết. Anh D không đồng ý trả 3.000.000 đồng và 3 chỉ vàng 24K theo yêu cầu của ông Q.

Bị đơn là chị Dương Thị Kim C đã được Tòa án cấp, tổng đạt, thông báo, hợp lệ các văn bản tố tụng và triệu tập hợp lệ nhiều lần đến Tòa án giải quyết và xét xử nhưng vẫn vắng mặt không lý do.

Người làm chứng ông Phan Văn N1 khai: Khoảng gần Tết Nguyên đán năm 2019, vào lúc 16-17 giờ, ông N1 uống rượu cùng với ông Q, ông N tại nhà ông Q. Ông N1 thấy chị C đến vay tiền cho mẹ đi điều trị bệnh, ông Q cho chị C vay 03 chỉ vàng 24K và 3.000.000 đồng, không viết giấy, hẹn mấy ngày sau trả, chị C trả cho ông Q hay chưa ông N1 không biết.

Người làm chứng ông Phạm Văn N khai: Khoảng gần Tết Nguyên đán năm 2019, vào lúc 15 -16 giờ, ông N uống rượu cùng với ông Q, ông N1 tại nhà ông Q. Ông N thấy chị C đến vay tiền cho mẹ đi điều trị bệnh, ông Q cho chị C vay 03 chỉ vàng 24K và 3.000.000 đồng, không viết giấy, hẹn mấy ngày sau trả, chị C trả cho ông Q hay chưa ông N không biết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; đương sự (ông Q) chấp hành đúng các quy định của pháp luật kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án; chị C là bị đơn trong vụ án đã được Tòa án cấp, tổng đạt, thông báo hợp lệ các văn bản tố tụng và triệu tập hợp lệ nhiều lần đến Tòa án giải quyết và xét xử nhưng vẫn vắng mặt không lý do; anh D là bị đơn có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt; ông N1, ông N là người làm chứng vắng mặt không có lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228; khoản 2 Điều 229 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, xét xử vắng mặt anh D, chị C, ông N1, ông N.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng Điều 463, 466 Bộ luật Dân sự; Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; **Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016** ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án:

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trần Văn Q đối với chị Dương Thị Kim C và anh Lê Văn D về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

Về án phí: Ông Trần Văn Q là người cao tuổi, thuộc trường hợp được miễn án phí theo quy định tại điểm đ Khoản 1 Điều 12, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội nên không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về thủ tục tố tụng:

[1] Chị C là bị đơn trong vụ án đã được Tòa án cấp, tổng đạt, thông báo hợp lệ các văn bản tố tụng và triệu tập hợp lệ nhiều lần đến Tòa án giải quyết và xét xử nhưng vẫn vắng mặt không lý do; anh D là bị đơn có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt; ông N1, ông N là người làm chứng vắng mặt không có lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228; khoản 2 Điều 229 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, xét xử vắng mặt anh D, chị C, ông N1, ông N.

Về nội dung vụ án:

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của ông Q: Ông Q yêu cầu chị C, anh D trả 3.000.000 đồng và 03 chỉ vàng 24K 9999, không yêu cầu trả tiền lãi. Căn cứ lời khai của ông Q, anh D, ông N, ông N1 thể hiện ngày 27-12-2018 âm lịch, ông Q cho chị C vay 03 chỉ vàng 24K và 3.000.000 đồng, không viết giấy, không thỏa thuận trả tiền lãi, hẹn mấy ngày sau trả. Tại thời điểm chị C vay tiền, vàng của ông Q hôn nhân giữa chị C, anh D tồn tại hợp pháp. Anh D không thừa nhận có vay tiền, vàng của ông Q, anh D không biết chị C có vay tiền, vàng của ông Q hay không, mục đích làm gì. Nhưng qua các tài liệu, chứng cứ thu thập từ lời khai ông Q, ông N, ông N1 có căn cứ xác định ông Q cho chị C vay 03 chỉ vàng 24K và 3.000.000 đồng nên Hội đồng xét xử buộc chị C có trách nhiệm trả cho ông Q 03 chỉ vàng 24K và 3.000.000 đồng không chấp nhận một phần yêu cầu của ông Q về yêu cầu anh D cùng có trách nhiệm trả số tiền, vàng nêu trên; lý do việc vay tiền vàng chỉ có một mình chị C vay, anh D không biết và không có mặt lúc vay nợ. Về tiền lãi ông Q không yêu cầu trả tiền lãi nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[4] Về án phí: Do chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Q về tranh chấp Hợp đồng vay tài sản đối với yêu cầu chị C trả 03 chỉ vàng 24K, vào thời điểm xét xử giá vàng 24k là 5.440.000 đồng x 3 chỉ = 16.320.000 đồng và 3.000.000 đồng nên chị C phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự, **Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.**

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1/ Căn cứ vào Điều 463, 466 Bộ luật Dân sự; Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; **Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016** ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ

Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Trần Văn Q đối với chị Dương Thị Kim C về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Trần Văn Q đối với anh Lê Văn D cùng có trách nhiệm trả tiền, vàng cho ông Q.

Buộc chị Dương Thị Kim C có trách nhiệm trả cho ông Trần Văn Q 03 chỉ vàng 24K và 3.000.000 (ba triệu) đồng.

Ghi nhận ông Q không yêu cầu trả tiền lãi.

Kể từ ngày ông Trần Văn Q có đơn yêu cầu thi hành án, nếu chị Dương Thị Kim C chưa thi hành số tiền nêu trên thì hàng tháng chị C phải chịu thêm tiền lãi theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Về án phí:

Chị Dương Thị Kim C phải chịu 966.000 (chín trăm sáu mươi sáu ngàn) đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

4/ Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5/ Ông Trần Văn Q có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Lê Văn D, chị Dương Thị Kim C có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND huyện Tân Châu;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS huyện Tân Châu;
- Phòng kiểm tra nghiệp vụ xét xử;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

ĐÃ KÝ

Nguyễn Thị Ngọc Thu